TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/DS-ST
Ngày: 22-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 35/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên toà số: 11/2024/QĐ-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1995; nơi cư trú: 153, T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thanh B trình bày:

Ông Nguyễn Hữu P và ông Nguyễn Văn M có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 27/10/2020, ông P đã cho ông M vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" cùng ngày. Hai bên thoả thuận các nội dung:

Số tiền vay: 500.000.000 đồng;

Thời hạn vay: Từ ngày 27/10/2020 đến ngày 27/01/2021;

Bên vay nhận đủ số tiền vay kể từ thời điểm ký vào hợp đồng;

Lãi suất vay tự thoả thuận miệng là 20%/năm;

Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là: Không thoả thuận.

Việc giao nhận tiền có người làm chứng là ông Nguyễn Thanh H chứng kiến.

Tuy nhiên, sau khi đến thời hạn trả tiền ông P nhiều lần liên hệ ông M để yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi nhưng ông M chỉ hứa hẹn mà không trả. Việc ông M không trả nợ cho ông P là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, do vậy ông P có khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả cho ông Nguyễn Hữu P số tiền là 758.500.000 đồng, bao gồm: Nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi vay trong hạn tạm tính là 100.000.000 đồng, lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tạm tính là 158.500.000 đồng.

Quá trình tố tụng, ông P khẳng định ông M không trả nợ gốc hay lãi cho ông P đối với khoản cho vay của "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" này. Ông M đã được tòa án tống đạt hợp lệ, đồng thời ông P cũng thường xuyên gọi điện cho ông M yêu cầu lên tòa giải quyết mà ông M không lên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Ngày 20/7/2024, nguyên đơn có nộp Văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Đối với lãi vay trong hạn nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu tính lãi vay trong hạn. Về yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nguyên đơn có ý kiến:

"Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" không thỏa thuận về lãi, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì ông P yêu cầu ông M phải trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Cụ thể: Lãi chậm trả: 10%/năm; Thời gian chậm trả tính từ tiếp theo của ngày đến hạn trả tiền (ngày vi phạm nghĩa vụ) là ngày 28/01/2021 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là 22/7/2024 tương ứng với 1271 ngày hoặc 3,48 năm, tương ứng 500.000.000 đồng x 10% x 3,48 năm = 174.000.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và L do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 174.000.000 đồng. Tổng là 674.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh H trình bày: Từ khoảng năm 2020, ông H có mối quan hệ quen biết, kinh doanh chung bất động sản với ông M. Sau đó đã kết

nói cho ông P, giữa ba người có hợp tác góp tiền mở nhà hàng Ă tại phường T, thành phố T. Do kinh doanh không hiệu quả nên các bên đã thanh lý và đóng cửa. Ngày 27/10/2020, tại nhà hàng (Trước thời điểm đóng cửa), ông H chứng kiến ông P cho ông M vay số tiền 500.000.000 đồng bằng tiền mặt, hai bên có ký Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, có ký tên, điểm chỉ, thoả thuận thời hạn trả 01 năm, lãi vay là 03%/tháng. Sau đó việc trả nợ vay, lãi vay như thế nào thì ông H không rõ. Ông P có kể chuyện là ông M không trả nợ dù nhiều lần yêu cầu.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Theo nội dung Hợp đồng cho cá nhân vay tiền thể hiện bên cho vay ông Nguyễn Hữu P cho bên vay là ông Nguyễn Văn M vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 27/10/2020 đến ngày 27/01/2021. Các bên không thỏa thuận lãi suất vay. Hợp đồng được ông P, ông M ký tên, điểm chỉ.

Xét thấy nguyên đơn xác định Hợp đồng trên có ông Nguyễn Thanh H làm chứng tuy nhiên trên Hợp đồng cho vay không có xác nhận chứng kiến của ông H. Ngoài lời khai của ông H ra thì cũng không có chứng cứ chứng minh người xác lập giao dịch vay tiền với nguyên đơn chính là bị đơn. Ông H là bạn của nguyên đơn do đó việc làm chứng có thể không khách quan. Do đó, không có căn cứ vững chắc để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn M yêu cầu thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Theo biên bản xác minh tại Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì ông Nguyễn Văn M có đăng ký thường trú tại Tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và đã bỏ đi đâu, không rõ từ năm 2021. Mặc dù hiện nay bị đơn không có mặt tại nơi cư trú nhưng có căn cứ xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn M hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông M, nhưng ông M vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Nguyên đơn do ông Trần Thanh B đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi vay trong hạn tạm tính là 100.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Tại phiên toà ngày 22/5/2024, đại diện nguyên đơn có yêu cầu tạm ngừng phiên toà để yêu cầu Toà án trưng cầu giám định đối với chữ ký tên, họ và tên, dấu vân tay của bị đơn tại "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền". Sau khi tạm ngừng phiên toà, Thẩm phán chủ toạ phiên toà đã thực hiện các thủ tục yêu cầu các cơ quan lưu trữ mẫu chữ ký, dấu vân tay của bị đơn để làm mẫu so sánh phục vụ việc giám định. Tuy nhiên, việc thu thập nêu trên không thực hiện được với các lý do khác nhau. Ngoài ra, việc vay mượn tiền có người làm chứng là ông H chứng kiến sự việc. Do đó, trong trường hợp này không cần thiết phải giám định đối với chữ ký tên, họ và tên, dấu vân tay của bị đơn mới giải quyết được vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì **ngày** 27/10/2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" với nội dung bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 27/10/2020 đến ngày 27/01/2021. Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được chứng cứ chứng minh việc giao kết hợp đồng vay tài sản là "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" ngày 27/10/2020, chứng cứ này phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Thanh H. Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 500.000.000

đồng. Đến thời hạn bị đơn không trả lại số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận

[2.3] Về yêu cầu tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn xác định tại "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" ngày 27/10/2020 các bên không thoả thuận về lãi. Nguyên đơn căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian chậm trả tính từ ngày 28/01/2021 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là 22/7/2024 là: 500.000.000 đồng x 10% x 1.271 ngày = 174.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 7.657.192 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm chín mươi hai đồng). Ông Nguyễn Hữu P phải chịu và đã nộp đủ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 180; khoản 1 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M thanh toán tiền lãi trong hạn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hữu P số tiền là 674.000.000 đồng (S áu trăm bảy mươi bốn triệu đồng), gồm: Nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 174.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 7.657.192 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm chín mươi hai đồng). Ông Nguyễn Hữu P phải chịu và đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu số tiền 30.960.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu P số tiền 17.170.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001859 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị L1